

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng mạnh gần 54 điểm trong phiên giao dịch hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,667.63 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính và Bán lẻ dẫn đầu đà tăng gần 6%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên hai sàn còn lại. Cây nến tăng hôm nay tuy bao phủ cây nến giảm hôm trước, nhưng thanh khoản vẫn còn yếu. Trong những phiên tới, VN-Index có lẽ sẽ dịch chuyển vùng giao dịch xuống và tìm điểm cân bằng trong vùng 1,600 – 1,670 thay vì xung quanh ngưỡng 1,690 như vài phiên trước.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 26/08/2025, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+53.60** điểm, đóng cửa tại **1667.63** điểm. HNX-Index **+9.21** điểm, đóng cửa tại **275.79** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+6.77)**, **VIC (+4.10)**, **TCB (+3.02)**, **CTG (+2.67)**, **HPG (+2.28)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPL (-0.24)**, **VCF (-0.11)**, **SVC (-0.03)**, **SJS (-0.03)**, **DBD (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **34,751** tỷ đồng, giảm **-13.41%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 39,469 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 66.31 điểm. Thị trường có **299** mã tăng, 27 mã tham chiếu, **45** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **875.07** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSB (655.41 tỷ)**, **VIX (145.60 tỷ)**, **MWG (121.64 tỷ)**, **TPB (74.83 tỷ)**, **TAL (70.66 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-51.29** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+4.17%**. Các mã diễn biến tích cực:
MWG (+6.98%) [\(Link báo cáo\)](#)
SSI (+6.96%)
VHM (+6.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+3.30%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+9.09%)
ANV (+7.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
DIG (+6.81%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	4.17%	3.30%	3.32%	3.70%
1 tuần	-4.51%	-7.78%	0.81%	2.13%
1 tháng	2.91%	2.59%	8.91%	10.77%
3 tháng	17.91%	20.20%	24.28%	29.11%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,667.63	275.79	108.84
% 1D	3.32%	3.45%	0.24%
GTKL (tỷ VND)	34,751	2,440	654
%1D	-13.41%	-7.01%	-34.78%
GDNN (tỷ VND)	875.07	-51.29	-136.84

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSB	655.41	HPG	-115.22
VIX	145.60	VHM	-112.12
MWG	121.64	SSI	-92.72
TPB	74.83	VIC	-81.75
TAL	70.66	BID	-78.99

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,439	-0.43%	-0.45%
FTSE100	9,276	-0.48%	1.51%
Eurostoxx	5,399	-0.93%	-0.84%
Shanghai	3,868	-0.39%	3.76%
Nikkei	42,394	-0.97%	-3.15%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

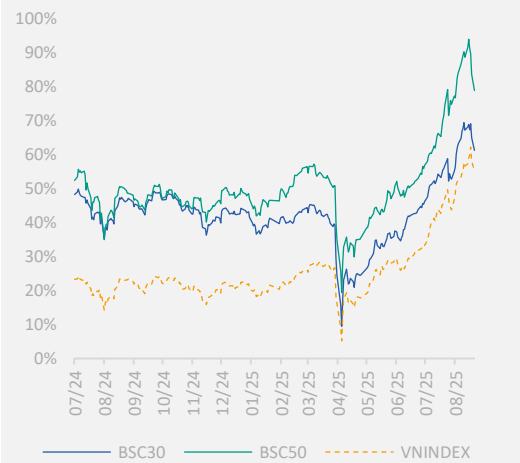
	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.12	-0.10%
Giá vàng	3,378	-0.59%

Tỷ giá		
USD/VND	26,510	0.11%
EUR/VND	31,435	-0.36%
JPY/VND	183	0.00%

Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.7%	-0.01%
LS LNH 1M	5.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	105.20	6.91%	6.77	4.11
VIC	135.50	3.44%	4.10	3.88
TCB	39.35	4.79%	3.02	7.06
CTG	51.20	4.28%	2.67	5.37
HPG	27.20	4.82%	2.28	7.68

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	26.30	9.58%	1.49	0.89
MBS	42.00	9.09%	1.45	0.57
NVB	15.90	5.30%	0.65	1.17
HUT	17.90	5.29%	0.56	0.89
CEO	24.80	5.98%	0.53	0.54

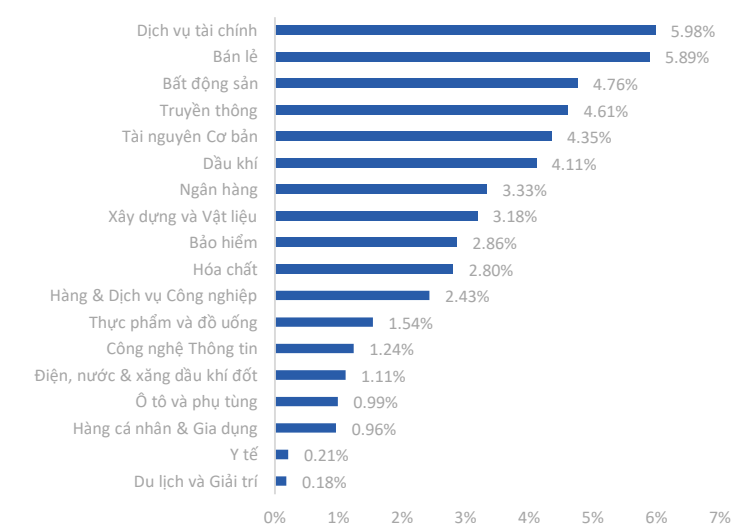
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ANV	26.75	7.00%	0.11	4.66
TNT	7.95	7.00%	0.01	0.23
MWG	73.60	6.98%	1.69	17.69
VND	23.00	6.98%	0.54	30.08
STG	35.30	6.97%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	30.10	9.85%	0.10	0.01
QST	25.80	9.79%	0.03	0.00
IPA	22.60	9.71%	1.83	0.84
SHS	26.30	9.58%	8.80	35.55
APS	10.70	9.18%	0.32	2.12

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	80.20	-0.74%	-0.24	1.79
VCF	305.10	-6.09%	-0.11	0.03
SVC	25.35	-6.97%	-0.03	0.07
SJS	62.60	-0.63%	-0.03	0.30
DBD	52.60	-1.68%	-0.02	0.09

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	148.00	-3.33%	-0.65	0.20
PRE	20.00	-2.44%	-0.03	0.10
TFC	64.40	-4.59%	-0.03	0.02
NAP	12.40	-9.49%	-0.02	0.02
HGM	298.10	-0.63%	-0.02	0.01

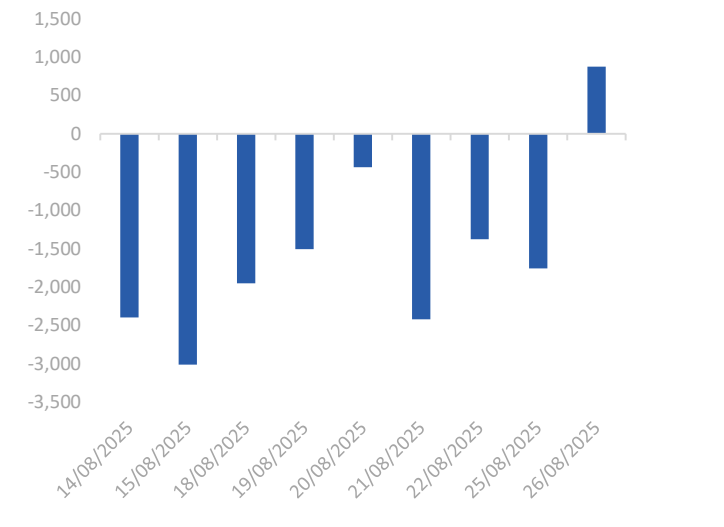
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVC	25.35	-6.97%	-0.03	0.06
CVT	26.70	-6.97%	-0.02	0.00
CLW	47.20	-6.90%	-0.01	0.00
VCF	305.10	-6.09%	-0.11	0.00
VAF	18.05	-4.50%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NHC	21.10	-9.83%	-0.02	0.00
PJC	24.00	-9.77%	-0.07	0.00
NAP	12.40	-9.49%	-0.10	0.00
VLA	9.60	-9.43%	-0.01	0.00
SPC	9.70	-9.35%	-0.04	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	73.6	7.0%	1.4	101,718	1268.8	3,304	20.8	84,700	48.0%	Link
KBC	Bất động sản	40.0	3.4%	1.5	36,399	417.8	1,831	21.1	-	14.6%	Link
KDH	Bất động sản	35.5	5.5%	1.4	37,763	175.8	716	47.0	39,900	32.5%	Link
PDR	Bất động sản	24.4	5.2%	1.8	22,732	543.3	177	131.4	28,200	11.2%	Link
VHM	Bất động sản	105.2	6.9%	0.8	404,169	681.8	6,995	14.1	92,000	10.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	100.0	1.2%	0.8	168,307	576.6	5,092	19.4	118,700	37.5%	Link
BSR	Dầu khí	27.5	5.8%	0.0	80,458	374.7	(16)	(1,613)	23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	33.7	2.1%	1.5	15,773	147.7	2,644	12.5	42,800	11.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.7	6.4%	1.4	28,079	376.3	1,127	23.1		38.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	39.2	7.0%	1.4	72,269	3589.3	1,577	23.2		40.0%	
VCI	Dịch vụ tài chính	44.9	4.9%	1.3	30,927	346.3	1,369	31.3		28.4%	
DCM	Hóa chất	39.8	5.9%	1.5	19,905	125.7	2,805	13.4	47,300	6.9%	Link
DGC	Hóa chất	99.0	2.1%	1.3	36,839	149.5	8,175	11.9	109,300	13.6%	Link
ACB	Ngân hàng	27.4	4.4%	0.9	134,580	587.6	3,305	7.9	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	41.8	2.0%	0.9	287,876	457.9	3,683	11.1	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	51.2	4.3%	1.2	263,667	507.1	5,608	8.8	53,500	26.7%	Link
HDB	Ngân hàng	32.3	3.2%	1.2	109,395	416.9	4,075	7.7	30,800	17.5%	Link
MBB	Ngân hàng	27.6	5.2%	1.1	211,041	1113.1	3,046	8.6	34,300	23.1%	Link
MSB	Ngân hàng	17.9	6.9%	1.0	43,550	1307.5	1,961	8.5	14,000	28.4%	Link
STB	Ngân hàng	55.0	3.8%	1.0	99,916	874.4	6,148	8.6		20.1%	
TCB	Ngân hàng	39.4	4.8%	1.1	266,088	1420.7	3,018	12.4	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	21.0	4.2%	1.2	53,103	999.7	2,423	8.3	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	64.6	1.6%	0.8	531,421	521.7	4,148	15.3	75,700	21.9%	Link
VIB	Ngân hàng	22.8	3.6%	0.9	74,718	548.0	2,219	9.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	34.3	2.4%	1.2	265,786	2273.1	2,193	15.3	26,500	25.3%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.2	4.8%	1.3	199,178	1393.9	1,750	14.8	34,300	21.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.5	2.5%	1.6	11,178	106.1	751	24.0	23,800	9.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.5	4.6%	1.3	10,103	154.2	4,124	6.4	32,200	4.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	81.1	2.0%	1.4	114,950	859.8	1,862	42.7	92,700	25.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	59.7	1.7%	0.6	122,680	177.9	4,101	14.3	64,500	48.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.6	5.19%	1.5	8,876	63.9	2,216	18.3	24.0%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	132.4	2.72%	0.6	21,952	137.9	3,163	40.8	31.8%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	60.5	3.42%	1.1	43,426	42.2	3,311	17.7	27.2%	10.6%	
DIG	Bất động sản	22.8	6.81%	1.6	13,769	417.8	183	116.2	5.5%	1.5%	
DXG	Bất động sản	21.3	4.16%	1.6	20,836	418.7	353	57.9	26.6%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.0	4.95%	1.3	5,948	129.3	482	69.3	6.3%	3.8%	
HDG	Bất động sản	31.5	6.07%	1.5	10,969	155.4	522	56.8	18.5%	3.1%	Link
IDC	Bất động sản	44.0	4.02%	1.5	16,053	59.8	3,977	10.6	16.7%	27.3%	
NLG	Bất động sản	42.7	4.91%	1.5	15,673	93.3	1,709	23.8	46.9%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	58.6	1.38%	1.3	13,994	45.9	5,315	10.9	4.1%	28.6%	
SZC	Bất động sản	35.1	2.93%	1.3	6,138	47.6	1,978	17.2	2.5%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	21.4	5.16%	1.5	17,678	169.1	1,120	18.2	11.8%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	135.5	3.44%	1.0	504,745	352.8	3,580	36.6	3.8%	9.9%	
VRE	Bất động sản	31.3	4.33%	1.0	68,170	275.0	1,937	15.5	17.8%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.7	1.53%	1.3	8,279	29.4	1,701	23.0	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	36.4	1.39%	1.0	45,551	79.4	1,596	22.5	16.5%	7.9%	Link
PVD	Dầu khí	21.4	3.13%	1.3	11,535	77.2	1,428	14.5	3.7%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	38.7	4.31%	1.5	12,855	147.8	1,348	27.5	25.1%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	42.0	9.09%	1.7	22,052	332.7	1,554	24.8	6.3%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.5	1.16%	1.1	160,942	53.7	5,152	13.3	1.8%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.2	1.57%	1.2	37,236	199.7	624	25.5	3.2%	4.5%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.4	2.19%	0.9	34,666	25.8	4,417	14.5	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	144.0	1.05%	0.7	84,305	293.8	3,427	41.6	8.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.1	3.96%	1.6	47,827	307.8	1,745	30.4	7.1%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.7	2.15%	1.2	25,380	138.7	3,765	16.0	40.1%	12.0%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.0	6.54%	1.2	9,034	92.8	5,700	9.4	6.2%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.9	0.85%	1.2	8,318	49.4	2,304	7.7	8.2%	13.9%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.9	0.71%	0.0	12,081	88.5	3,339	29.7	5.0%	25.4%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.2	0.84%	1.0	28,215	32.2	6,129	13.6	49.0%	18.2%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.1	0.17%	1.0	3,361	53.9	2,693	11.1	49.8%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.0	2.56%	1.5	2,391	14.1	2,841	6.9	16.4%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	26.8	2.88%	1.4	17,678	58.6	957	27.2	7.3%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	29.2	2.82%	1.4	113,600	106.4	1,320	21.5	0.6%	9.8%	
EIB	Ngân hàng	28.6	6.12%	0.9	50,200	595.9	1,783	15.1	5.3%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	45.5	1.11%	0.4	134,428	192.2	3,324	13.5	0.8%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	16.4	2.50%	0.0	27,451	112.9	2,260	7.1	1.7%	19.6%	
OCB	Ngân hàng	14.0	2.95%	0.9	36,084	166.7	1,130	12.0	19.8%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	3.59%	1.5	6,848	124.6	666	23.0	5.9%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.8	7.00%	1.6	6,656	122.4	1,871	13.4	3.1%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.7	0.73%	0.5	10,474	123.0	1,921	17.9	3.7%	15.0%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.9	0.66%	0.6	58,485	37.2	3,185	14.3	58.7%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.3	4.18%	1.2	12,345	67.8	6,372	8.6	19.9%	16.1%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	138.5	0.36%	0.6	11,297	12.7	13,894	9.9	84.8%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.6	2.02%	1.3	7,516	26.8	4,512	16.4	46.5%	5.1%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	86.4	3.10%	1.3	9,586	36.0	4,928	17.0	6.3%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.0	4.14%	1.5	4,259	59.4	2,501	16.9	3.9%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.0	5.26%	1.4	7,088	163.0	1,077	13.2	11.4%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	27.4	5.39%	1.2	9,281	69.1	1,179	22.0	15.4%	7.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	25.5	3.87%	1.1	15,871	263.6	1,241	19.8	8.8%	9.9%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	61.5	3.71%	1.4	26,587	63.4	3,343	17.7	6.0%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 08/2025_Thuế quan – Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
9	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
10	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng	x		Click
11	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>